

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của Trường Đại học Hùng Vương năm học 2020 - 2021

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/ 1SV/năm học	Dự kiến học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Thạc sỹ	Triệu đồng / năm		
	LL&PPDHBM Toán	Triệu đồng / năm	17,55	35,1
	Lý luận văn học	Triệu đồng / năm	14,7	29,4
	Giáo dục tiểu học	Triệu đồng / năm	14,7	29,4
	Khoa học cây trồng	Triệu đồng / năm	10,35	20,7
	Chăn nuôi	Triệu đồng / năm	10,35	20,7
	Sinh học	Triệu đồng / năm	17,55	35,1
	Quản lý kinh tế	Triệu đồng / năm	14,7	29,4
2	Đại học	Triệu đồng / năm		
	Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng / năm	9,8	39,2
	Kế toán	Triệu đồng / năm	9,8	39,2
	Quản trị kinh doanh	Triệu đồng / năm	9,8	39,2
	Khoa học cây trồng	Triệu đồng / năm	6,9	27,6
	Chăn nuôi	Triệu đồng / năm	6,9	27,6
	Công nghệ thông tin	Triệu đồng / năm	11,7	46,8
	Tài chính - ngân hàng	Triệu đồng / năm	9,8	39,2
	Ngôn ngữ Trung Quốc	Triệu đồng / năm	9,8	39,2
	Thú y	Triệu đồng / năm	6,9	34,5
	Công nghệ kỹ thuật điện	Triệu đồng / năm	11,7	46,8
	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Triệu đồng / năm	11,7	46,8
	Kinh tế	Triệu đồng / năm	9,8	39,2
	Thiết kế đồ họa	Triệu đồng / năm	8,2	32,8
	Quản trị dịch vụ du lịch	Triệu đồng / năm	11,7	40,95
	Công tác xã hội	Triệu đồng / năm	9,8	39,2
	Du lịch	Triệu đồng / năm	11,7	40,95
II	Học phí chính quy chương trình khác			
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng / năm		
	LT Sư phạm Toán từ CĐ	Triệu đồng / năm	17,55	26,325
	LT Sư phạm Văn từ CĐ	Triệu đồng / năm	14,7	22,05
	LT GD Tiểu học từ CĐ	Triệu đồng / năm	14,7	22,05
	LT GD Tiểu học từ TC	Triệu đồng / năm	14,7	32,34
	VB2 Ngôn ngữ Anh	Triệu đồng / năm	14,7	32,34
	LT GD Mầm non từ CĐ	Triệu đồng / năm	14,7	22,05

	LT GD Mầm non từ TC	Triệu đồng / năm	14,7	32,34
	LT SP Địa lý từ CĐ	Triệu đồng / năm	14,7	22,05
	LT SP Lịch sử từ CĐ	Triệu đồng / năm	14,7	22,05
	VB2 Kế toán	Triệu đồng / năm	14,7	32,34
	LT Kế toán từ CĐ	Triệu đồng / năm	14,7	22,05
	LT Kế toán từ TC	Triệu đồng / năm	14,7	32,34
	LT CNTT từ CĐ	Triệu đồng / năm	17,55	26,325
	LT CNTT từ TC	Triệu đồng / năm	17,55	38,61
	LT SP Sinh học từ CĐ	Triệu đồng / năm	17,55	26,325
	LT SP Hóa học từ CĐ	Triệu đồng / năm	17,55	26,325
	LT SP Tiếng Anh từ CĐ	Triệu đồng / năm	14,7	22,05
	VB2 Thú y	Triệu đồng / năm	10,35	22,77
	LT Thú y từ TC	Triệu đồng / năm	10,35	22,77
	LT Sư phạm Vật lý từ CĐ	Triệu đồng / năm	17,55	26,325
	LT SP Âm nhạc từ CĐ	Triệu đồng / năm	12,3	18,45
	LT SP Âm nhạc từ TC	Triệu đồng / năm	12,3	27,06
	LT SP Mỹ thuật từ CĐ	Triệu đồng / năm	12,3	18,45
	LT SP Mỹ thuật từ TC	Triệu đồng / năm	12,3	27,06
	LT GD Thể chất từ CĐ	Triệu đồng / năm	17,55	26,325
	LT GD Thể chất từ TC	Triệu đồng / năm	17,55	38,61
	LT SP Kỹ thuật NN từ CĐ	Triệu đồng / năm	10,35	15,525
	LT Kinh tế NN từ TC	Triệu đồng / năm	14,7	32,34
IV	Tổng thu năm 2021	Tỷ đồng		138,82
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng		77,52
2	Từ học phí	Tỷ đồng		46,15
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng		6,19
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng		8,96

Phú Thọ, ngày 18 tháng 5 năm 2020

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



BIỆU TRƯỞNG

Hoàng Công Kiên